TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
Khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ
Ông Hoàng Văn Khiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST–HNGĐ ngày 19/7/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Lăng Thị D** – sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn Cây T, xã L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* anh **Hoàng Văn Đ –** sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn Pù T, xã V, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Lăng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn vào ngày 16/3/2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hòa hợp, anh Đ có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm không còn, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung Hoàng Văn T, sinh ngày 25/8/2011, hiện đang ở cùng anh Đ. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng để anh Đ trực tiếp nuôi con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Hoàng Văn Đ nhưng anh Đ không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho chị Lăng Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung: giao con chung Hoàng Văn T, sinh ngày 25/8/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Hoàng Văn Đ và chị Lăng Thị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liễu Đ, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2011 ngày 16/3/2011. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của nguyên đơn quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Thôn Pù T, xã Vĩnh Lạc, huyện Lục

Yên, tỉnh Yên Bái. Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị D và anh Đ có 01 con chung Hoàng Văn T, sinh ngày 25/8/2011, căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án xác định hiện tại con chung đang sinh sống cùng bố và ông bà nội tại Thôn Pù T, xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên có nơi ở và học tập ổn định. Tại lời khai, con chung có nguyện vọng ở cùng bố.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi anh Đ có yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* chị Lăng Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lăng Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: giao cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Văn T, sinh ngày 25/8/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lăng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lăng Thị D phải chịu 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0002428 ngày 19/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh